

Phụ lục I
BỘ CHỈ SỐ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN,
ĐƠN VỊ THUỘC HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số: 8883/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND huyện)

1. Thông tin chung

STT	Nội dung	Số liệu
1.	Tên cơ quan	
2.	Số lượng CBCC	
3.	Số lượng viên chức	
4.	Số lượng công chức, viên chức chuyên trách CNTT/ATTT, chuyển đổi số tại cơ quan	
5.	Số lượng công chức, viên chức kiêm nhiệm CNTT/ATTT, chuyển đổi số tại cơ quan	
6.	Số lượng máy chủ vật lý	
7.	Số lượng máy trạm (máy bàn và máy tính xách tay) tại cơ quan	
8.	Số lượng CSDL, hệ thống thông tin do cơ quan làm chủ quản	
9.	Số lượng doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý	
10.	Tổng chi ngân sách nhà nước trong năm	
11.	Số lượng DVC	
12.	Số lượng DVCTT toàn trình	
13.	Số lượng DVCTT một phần	
14.	Đầu mối liên hệ (Họ và tên, chức vụ, bộ phận công tác)	
15.	Số điện thoại	

2. Bảng chỉ tiêu chi tiết

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
	Tổng cộng		195			
1	Nhận thức số		20			
1.1	Người đứng đầu cơ quan là thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện, tham dự các buổi họp Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện	- Tham dự đầy đủ: Điểm tối đa - Không tham dự không đầy đủ: 0 điểm	10			
1.2	Cử cán bộ, công chức, viên chức cơ quan tham gia các hội thảo, hội nghị về chuyển đổi số do trung ương, tỉnh, huyện tổ chức	- Tham dự đầy đủ: Điểm tối đa - Tham dự không đầy đủ: 0 điểm	10			
2	Thế chế số		20			
2.1	Ban hành Kế hoạch, chương trình hoặc đề án hàng năm về chuyển đổi số	- Đã ban hành theo đúng thời gian, nội dung quy định: Điểm tối đa - Không ban hành: 0 điểm	10			
2.2	Báo cáo đầy đủ, kịp thời về tình hình, tiến độ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số	- Có báo cáo: Điểm tối đa - Không báo cáo: 0 điểm	10			
3	Hạ tầng số, dữ liệu số		10			
3.1	Cơ quan, đơn vị đã kết nối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II	- Có: Điểm tối đa - Không: 0 điểm	10			
4	Nhân lực số		20			
4.1	Công chức, viên chức chuyên trách/kiêm nhiệm CNTT/ATTT tham gia các buổi họp, hội thảo, hội nghị chuyên đề về CNTT, chuyển đổi số do Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông, UBND huyện tổ chức	- Tham dự đầy đủ, đúng thành phần: Điểm tối đa - Tham dự không đầy đủ: Tỷ lệ * điểm tối đa - Không tham dự, tham dự không đúng thành phần: 0 điểm	10			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
4.2	Số lượng CBCCVC được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của cơ quan	- 100%: <i>Điểm tối đa</i> - Dưới 100%: <i>Tỷ lệ * điểm tối đa</i>	10			
5	An toàn, an ninh mạng		30			
5.1	Số lượng máy trạm được cài đặt phần mềm diệt vi rút bản quyền	- 100%: <i>Điểm tối đa</i> - Dưới 100%: <i>Tỷ lệ * điểm tối đa</i>	10			
5.2	Xây dựng Kế hoạch triển khai việc ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng của cơ quan, đơn vị	- Có: <i>Điểm tối đa</i> - Không có: <i>0 điểm</i>	10			
5.3	Tỷ lệ CBCCVC của cơ quan, đơn vị được đào tạo về kỹ năng ATTT	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10			
6	Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số		5			
6.1	Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về chuyển đổi số bằng một trong những hình thức như ban hành văn bản tuyên truyền, tổ chức hội nghị tập huấn, viết tin bài đăng lên Cổng thông tin điện tử huyện, tỉnh,...	- Có thực hiện: <i>Điểm tối đa</i> - Không thực hiện: <i>0 điểm</i>	5			
7	Chính quyền số		80			
7.1	Tỷ lệ CBCCVC có sử dụng thường xuyên trong công việc/Tổng số CBCCVC có hợp thư	- 100% sử dụng: <i>Điểm tối đa</i> - Dưới 100%: <i>Tỷ lệ * điểm tối đa</i>	10			
7.2	Văn bản đi/đến được tham mưu, xét duyệt trên phần mềm Hệ thống quản lý văn bản điều hành	- 100%: <i>Điểm tối đa</i> - Dưới 100%: <i>0 điểm</i>	10			

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.3	Văn bản đi có đầy đủ chữ ký điện tử, chữ ký số	- 100%: Điểm tối đa - Dưới 100%: 0 điểm	10			
7.4	Rà soát, cung cấp đầy đủ DVC trực tuyến toàn trình, một phần theo quy định	- Cung cấp đầy đủ, kịp thời: Điểm tối đa - Cung cấp chưa đầy đủ, kịp thời: 0 điểm	10			
7.5	Tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ trực tuyến/Tổng số DVCTT trực tuyến một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ (trực tuyến và trực tiếp)	- Tỷ lệ = $(c+d)/(a+b)$ - Điểm = Tỷ lệ * Điểm tối đa	10			
	- Tổng số DVCTT mức 3 (một phần) có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến) (a)					
	- Tổng số DVCTT mức 4 (toàn trình) có phát sinh hồ sơ (cả trực tuyến và không trực tuyến) (b)					
	- Tổng số DVCTT mức 3 có phát sinh hồ sơ trực tuyến (c)					
	- Tổng số DVCTT mức 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến (d)					
7.6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	- Tỷ lệ = $(b+c)/a$ - Điểm: + Tỷ lệ $\geq 80\%$: Điểm tối đa + Tỷ lệ $< 80\%$: Tỷ lệ/80% * Điểm tối đa	10			
	Tổng số hồ sơ giải quyết DVC (gồm cả 4 mức độ) trong năm (a)					
	Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT mức độ 3 (một phần) (b)					
	Tổng số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVCTT mức độ 4 (toàn trình) (c)					

TT	Chỉ số chính/Chỉ số thành phần/Tiêu chí	Cách tính điểm	Điểm tối đa	Tự đánh giá	Điểm thẩm định	Ghi chú
7.7	Tỷ lệ DVC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI/Tổng số DVC đăng ký thực hiện BCCI	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10			
7.8	Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận, trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI/Tổng số hồ sơ DVC phát sinh hồ sơ	<i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10			
8	Chi ngân sách nhà nước		10			
8.1	Tỷ lệ chi ngân sách nhà nước cho công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trên tổng chi ngân sách trong năm (Chi đầu tư phát triển + Chi thường xuyên)	- Từ 1% trở lên: <i>điểm tối đa</i> - Dưới 1%: <i>Tỷ lệ * Điểm tối đa</i>	10			